

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 04/2023/HNGĐST

Ngày: 13/01/2023

*“V/v ly hôn  
và tranh chấp con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Biều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Minh Ngọc

Ông Nguyễn Văn Thư

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 343/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Mạnh L, sinh năm: 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; hiện đang tạm trú tại: Khu 4, ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đ;

- Bị đơn: Bà Lương Thị Kim H, sinh năm: 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

(Ông L vắng mặt – có đơn xét xử vắng mặt, bà H có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Mạnh L trình bày:*

Ông Lê Mạnh L và bà Lương Thị Kim H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào năm 2018.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông L và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu vợ chồng không còn tình cảm với nhau; ông L và bà H đã tự ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Lương Thị Kim H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L và bà H có 01 con chung tên Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019. Sau khi ly hôn, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T cho bà H nuôi dưỡng. Ông L tự nguyện mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lương Thị Kim H trình bày:

Bà thống nhất thời gian kết hôn và con chung như trình bày của ông L, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông L có 01 con chung tên Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T cho bà H nuôi dưỡng. Thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: bà Huy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Lê Mạnh L được ly hôn với bà Lương Thị Kim H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019 cho bà Huy nuôi dưỡng; buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê Mạnh L có đơn yêu cầu ly hôn với bà Lương Thị Kim H, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an xã Tam Hiệp thì bà Lương Thị Kim H có đăng ký thường trú tại thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Mạnh L và bà Lương Thị Kim H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào ngày 24 tháng 7 năm 2018. Vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống không thể giải

quyết được, vợ chồng không quan tâm đến nhau; ông L, bà H đã tự ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay, ông L xin ly hôn với bà H vì mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho ông Lê Mạnh L được ly hôn với bà Lương Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung:*

- Về con chung: Ông L và bà H có con chung tên Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019; ông L yêu cầu giao con chung Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T đang ở với bà H, bà H có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và căn cứ theo quy định của pháp luật nên xét giao con chung Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Lê Mạnh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[5] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Ông Lê Mạnh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh L về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” đối với bị đơn bà Lương Thị Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Mạnh L được ly hôn, chấm dứt hôn nhân với bà Lương Thị Kim H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Lê Quỳnh T, sinh ngày 14/02/2019 cho bà Lương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Lê Mạnh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2023).

Ông Lê Mạnh L được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Mạnh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà ông L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011416 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ông L còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Biểu**

